

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 17-5-2022

V/v ly hôn, tranh chấp

về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Hồng Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Sáu

2. Bà Trần Thị Phương Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 44/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị B, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (*Có mặt*).

- Bị đơn: Anh C, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp H, xã E, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 02 năm 2022, bản tự khai ngày 14 tháng 03 năm 2022 và Biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 03 năm 2022, nguyên đơn, chị B, trình bày: Vào năm 2019, chị B và anh C tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện A, tỉnh Bạc Liêu và được Ủy ban nhân dân xã E, huyện A, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21, ngày 14 tháng 03 năm 2019.

Quá trình chung sống, chị B và anh C có 01 (một) người con chung là cháu G, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2020. Hiện cháu G đang sống chung với chị B cùng với ông bà ngoại tại ấp D, xã E, huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

Về tài sản chung: Chị B và anh C không có tạo lập tài sản chung gì hết.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống, chị B và anh C không vay, mượn tiền, tài sản của bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng nào nên không có nợ chung.

Trong thời gian chung sống, do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống khác nhau, giữa chị B và anh C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau. Khi chị B mang thai được 02 tháng thì anh C thường xuyên uống rượu, tụ tập bạn bè đi uống rượu qua đêm không về nhà; đến khi chị B sinh con thì anh C vẫn không có trách nhiệm với con và chị B, không thăm con và cũng không chăm sóc cho chị B dẫn đến mâu thuẫn giữa chị B và anh C ngày càng trầm trọng hơn nên chị B và anh C đã tự chấm dứt quan hệ chung sống với nhau và sống ly thân với nhau từ tháng 03 năm 2021 cho đến nay. Chị B đã về nhà mẹ ruột của chị B ở địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện A, tỉnh Bạc Liêu sống cho đến nay; còn anh C thì chung sống với cha mẹ của anh C ở địa chỉ: Ấp H, xã E, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Trong thời gian sống ly thân, chị B và anh C cùng với gia đình hai bên có gặp gỡ nhau để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả.

Nay chị B yêu cầu được ly hôn với anh C. Khi ly hôn, chị B yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu G, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2020. Tại phiên tòa, chị B yêu cầu rút lại yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi tròn 18 tuổi; không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung chị B xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ý kiến, trình bày của bị đơn, anh C: Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh C đến Tòa án, nhưng anh C không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị B cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án và cũng không đến Tòa án làm việc nên không thể ghi nhận ý kiến, yêu cầu của anh C đối với yêu cầu khởi kiện của chị B. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị B cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh C, cho chị B và anh C ly hôn; giao cháu G, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2020 cho chị B tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; đình chỉ giải quyết phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu G của chị B đối với anh C; tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết; chị B phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị B yêu cầu ly hôn với anh C và hiện nay anh C cư trú tại ấp H, xã E, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh C đã được triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng đều vắng mặt không rõ lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử. Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu đã triệu tập anh C hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh C vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[3] Về hôn nhân: Chị B và anh C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã E, huyện A, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21, ngày 14 tháng 3 năm 2019 nên hôn nhân giữa chị B và anh C là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Chị B yêu cầu được ly hôn với anh C với lý do trong thời gian chung sống, do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống khác nhau dẫn đến chị B và anh C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau. Khi chị B mang thai được 02 tháng thì anh C thường xuyên uống rượu, tụ tập bạn bè đi uống rượu qua đêm không về nhà; đến khi chị B sinh con thì anh C vẫn không có trách nhiệm với con và chị B, không thăm con và cũng không chăm sóc cho chị B dẫn đến mâu thuẫn giữa chị B và anh C ngày càng trầm trọng hơn nên chị B và anh C đã tự chấm dứt quan hệ chung sống với nhau và sống ly thân với nhau từ tháng 03 năm 2021 cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân, chị B và anh C cùng với gia đình hai bên có gặp gỡ nhau để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Tại Biên bản xác minh ngày 22 tháng 4 năm 2022, ông M, Trưởng ấp H, xã E, huyện A, tỉnh Bạc Liêu xác định, chị B và anh C đã sống ly thân khoảng hơn 06 tháng nay. Xét thấy, hôn nhân giữa chị B và anh C thực tế đã phát sinh mâu thuẫn, không thể giải quyết, cuộc sống chung giữa chị B và anh C thực tế đã không còn và không thể duy trì. Điều này cho thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị B và anh C đã không còn có sự quan tâm, chăm sóc, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân

và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh C, xử cho chị B được ly hôn với anh C.

[5] Về con chung, xét thấy, cháu G, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2020 dưới 36 tháng tuổi, đã có sống ổn định, gắn bó với chị B kể từ thời điểm chị B và anh C sống ly thân cho đến nay; cần sự chăm sóc của chị B. Đồng thời, anh C cũng không thể hiện có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu G nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị B; giao cháu G, sinh ngày 16/4/2020 cho chị B tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị B đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu G nên chị B được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu G.

Tại phiên tòa, chị B yêu cầu rút yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu G, mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, việc chị B yêu cầu rút yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu G, mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị B đối với anh C về việc chị B yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu G, mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị B xác định chị B và anh C chung sống không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị B phải nộp 300.000 đồng. Chị B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000880 ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu, được chuyển thu án phí.

[8] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và tiểu mục 1.1 Phần II Mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh C. Xử cho chị B được ly hôn với anh C.

2. Về con chung: Giao cháu G, sinh ngày 16/4/2020, cho chị B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị B đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu G, sinh ngày 16/4/2020 nên chị B được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu G, sinh ngày 16/4/2020.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện cấp dưỡng nuôi con của chị B đối với anh C.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về Hôn nhân và Gia đình, chị B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000880 ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện A;
- Chi Cục THADS huyện A;
- UBND xã E, huyện A, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

Dương Hồng Chi